

Bản án số: 741/2024/HS-PT

Ngày 16/9/2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Tiến;

Các Thẩm phán: Ông Phạm Việt Hà;

Ông Ong Thân Thắng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Ngọc Huyền- Thư ký viên

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Hồng Tiên- Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 657/2024/TLPT-HS ngày 10 tháng 6 năm 2024 đối với bị cáo Ngô Văn N phạm tội “Tổ chức cho người khác xuất cảnh, nhập cảnh hoặc ở lại Việt Nam trái phép”. Do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 625/2023/HS-ST ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

*** Bị cáo có kháng cáo:**

Ngô Văn N, sinh năm 1986; Nơi ĐKKHKT: Thôn T, xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Ninh; Chỗ ở: A Khu A, Tập thể sân bay N, xã P, huyện S, Thành phố Hà Nội; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Học phổ thông: 12/12; Nghề nghiệp: Nguyên Cán bộ Cục Q1 Bộ C4; Con ông Ngô Văn H, sinh năm 1956 và con bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1957; Gia đình có 04 anh em, bị cáo thứ hai; Vợ: Nguyễn Thị Minh T, sinh năm 1987; Bị cáo có 02 con sinh năm 2014 và 2016; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị tạm giam từ ngày 20/01/2023, đến ngày 20/04/2023 được huỷ bỏ biện pháp tạm giam, áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú; Có mặt.

*** Người bào chữa cho bị cáo Ngô Văn N:**

- Luật sư Vũ Minh T1 (Có mặt) và luật sư Trần Thị Thủy T2 (Vắng mặt), Công ty L1 thuộc Đoàn luật sư thành phố H.

Ngoài ra, trong vụ án còn có các bị cáo Nguyễn Văn C, Nguyễn Văn D, Vũ Văn C1, Nguyễn Văn D1 và Vũ Thành C2 không kháng cáo, không bị kháng nghị Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 14/01/2023, Công an cửa khẩu N2 phát hiện 02 người Trung Quốc sử dụng hộ chiếu Trung Quốc giả làm thủ tục check in trên chuyến bay EK395

của hãng hàng không E lộ trình từ N, Hà Nội đi D. Cụ thể là GUO LIANG (Giới tính: Nam; Sinh ngày 20/10/1988 tại Trung Quốc) và C5 (Giới tính: Nam; Sinh ngày 27/04/1985 tại Trung Quốc). Do vậy ngày 19/01/2023, Cục Q1 - Bộ C4 đã ra Quyết định khởi tố vụ án hình sự “Tổ chức cho người khác xuất cảnh, nhập cảnh hoặc ở lại Việt Nam trái phép” quy định tại Điều 348 Bộ luật hình sự và đã chuyển toàn bộ hồ sơ vụ án nêu trên cho Cơ quan An ninh điều tra - Công an Thành phố H để điều tra theo thẩm quyền.

Kết quả điều tra xác định: Cuối năm 2022, Chen Dong F (gọi tắt là C3) và Guo L (gọi tắt là G) có nhu cầu đi lao động nước ngoài nhưng do hộ chiếu của C3 bị mất và của G thì bị cơ quan chức năng Trung Quốc thu giữ, nên C3 và G thuê dịch vụ tại Trung Quốc làm giả 02 hộ chiếu mang tên LI QINGTAO, sinh năm 1986 và S1, sinh năm 1989, dán ảnh của C3 và G, chi phí hết 20.500 nhân dân tệ. Mục đích của C3 và G sử dụng hộ chiếu giả mang thông tin của người khác để nhập cảnh trái phép vào Việt Nam sau đó sử dụng hộ chiếu, visa giả xuất cảnh đi Cộng Hòa G - Châu Phi lao động.

Theo hướng dẫn của các đối tượng trên mạng Wechat, C3 và G phải có visa nhập cảnh hợp pháp Việt Nam thì sẽ xuất cảnh được từ Việt Nam sang Cộng Hòa G - Châu Phi lao động, nhưng do hộ chiếu là giả nên không thể nhập cảnh vào Việt Nam theo con đường hợp pháp. Chen, G tiếp tục lên mạng thuê người làm các thủ tục xin visa nhập cảnh Việt Nam và đóng dấu kiểm chứng nhập cảnh lên visa với chi phí hết 50.000 nhân dân tệ/ 01 người (khoảng 150.000.000 đồng/ 01 người). Sau đó, đối tượng tên A M (không có thông tin cụ thể) đã liên hệ qua mạng xã hội Wechat với bị cáo Nguyễn Văn C để nhờ hợp thức hoá thủ tục bảo lãnh nhập cảnh cho 04 người Trung Quốc gồm: Chen, G và 02 người nữa là Bian Y (sinh ngày 25/10/1985, số hộ chiếu E69778759), Han Y1 (sinh ngày 03/02/1973, số hộ chiếu E69669125), đồng thời hứa trả thù lao cho bị cáo C 01 vạn Nhân dân tệ (tương đương khoảng 35 triệu đồng). Thủ đoạn của các đối tượng là: 04 đối tượng Trung Quốc nhập cảnh trái phép Việt Nam, sau đó dùng visa đã được thuê đóng dấu kiểm chứng nhập cảnh không và hộ chiếu giả để làm thủ tục xuất cảnh.

Bị cáo C liên lạc với bị cáo Vũ Văn C1, là người từng làm việc tại Công ty TNHH T7 (gọi tắt là Công ty T7), trụ sở tại: M, xã M, huyện P, tỉnh Lai Châu để nhờ bị cáo Chính sử dụng Công ty T7 làm hồ sơ bảo lãnh xin visa nhập cảnh cho 04 người Trung Quốc và bị cáo C hứa sẽ trả cho bị cáo C1 05 triệu đồng. Bị cáo C1 không nhận tiền mà chỉ mong muốn sau khi giúp bị cáo C thì bị cáo C sẽ giới thiệu bạn bè là người Trung Quốc mua, bán hàng hoá nông sản với Công ty bị cáo C1 đang làm việc, do Công ty T7 là Công ty nhỏ nên bị cáo C1 chỉ đồng ý giúp làm hồ sơ bảo lãnh cho 03 người gồm: Sun JianYong, sinh ngày 23/10/1989, số hộ chiếu E72610507, quốc tịch Trung Quốc (tên thật là GUO LIANG, sinh ngày 20 tháng 10 năm 1988); Bian Y và H.

Do bị cáo C1 không phải là Giám đốc Công ty T7, nên C1 đã nhờ bị cáo Nguyễn Văn D1 - Giám đốc Công ty T7 sử dụng pháp nhân Công ty để ký, đóng dấu hợp thức hoá hồ sơ bảo lãnh xin visa nhập cảnh cho 03 người Trung Quốc

trên, thực tế bị cáo D1 không biết về những người trên và họ không vào làm việc tại Công ty T7. Hồ sơ được hợp thức gồm:

- Công văn số 66 ngày 20/12/2022 gửi Cục Q1 – Bộ C4 về việc nhập cảnh cho người nước ngoài (Mẫu NA2).

- Công văn giới thiệu con dấu, chữ ký (Mẫu NA16) gửi Cục Q1 - Bộ C4 (Công văn này D1 nhờ Nguyễn Văn T3 – Phó Giám đốc ký giúp).

- Công văn số 20/12CV/2022 ngày 20/12/2022 gửi Cục Q1 - Bộ C4 về việc cam kết đối với người nước ngoài nhập cảnh Việt Nam.

Sau khi bị cáo D1 in và ký, đóng dấu Công ty vào các văn bản nêu trên, bị cáo D1 đã chuyển phát nhanh cho bị cáo C1. Ngoài ra, để đủ điều kiện đứng ra nộp hồ sơ bảo lãnh tại Cục Q1 - Bộ C4, bị cáo C1 đã nhờ bị cáo D1 ký hợp đồng lao động để bị cáo C1 làm nhân viên Công ty T7 và ký giấy giới thiệu, uỷ quyền bị cáo C1 thay mặt bị cáo D1 nộp hồ sơ bảo lãnh. Khi có đủ các giấy tờ trên, bị cáo C1 đến Cục Q1 nộp hồ sơ bảo lãnh xin visa nhập cảnh và chụp giấy hẹn lấy visa của 03 người Trung Quốc trên gửi lại cho bị cáo Nguyễn Văn C để khách nhận thị thực tại T8 tại N, Trung Quốc.

Đối với Li Qing T4 (tên thật là CHEN DONG FANG (Chen); Giới tính: Nam; Sinh ngày 27 tháng 4 năm 1985), bị cáo Nguyễn Văn C đã nhờ bị cáo Vũ Thành C2 - Giám đốc Công ty TNHH C6 (gọi tắt là Công ty C6), trụ sở tại 155 ngõ D H, trị trấn Y, huyện G, Thành phố Hà Nội sử dụng pháp nhân Công ty này để ký, đóng dấu lên hồ sơ bảo lãnh xin visa nhập cảnh do bị cáo Nguyễn Văn C chuyển, thực tế bị cáo Vũ Thành C2 không biết Li Qing T4 và Li Qing Tao không vào làm việc tại Công ty C6. Bị cáo Nguyễn Văn C hứa trả cho bị cáo Vũ Thành C2 số tiền từ 3-5 triệu đồng. Bị cáo Vũ Thành C2 không nhận tiền và mong muốn sau này nếu có khách hàng Trung Quốc buôn bán về linh kiện điện tử thì giới thiệu cho bị cáo C2. Bị cáo Vũ Thành C2 đã ký, đóng dấu hợp thức lên hồ sơ gồm:

- Công văn số 01 ngày 26/12/2022 gửi Cục Q1 – Bộ C4 về việc nhập cảnh của khách nước ngoài (Mẫu NA2).

- Công văn số 03/CV/2022 gửi Cục Q1 - Bộ C4 về việc giới thiệu con dấu, chữ ký (Mẫu NA16).

Sau khi bị cáo Công in, ký và đóng dấu Công ty vào các văn bản trên, ngày 27/12/2022, bị cáo Vũ Thành C2 đến nộp hồ sơ tại Cục Q1 - Bộ C4 và chụp giấy hẹn nhận thị thực gửi lại cho bị cáo Nguyễn Văn C để khách nhận thị thực tại T8 tại Q, Trung Quốc.

Sau khi xong thủ tục xin visa, A M tiếp tục thuê bị cáo Nguyễn Văn C tìm người đóng dấu kiểm chứng nhập cảnh Việt Nam tại Cửa khẩu sân bay quốc tế N để hợp thức việc nhập cảnh của 04 người Trung Quốc nêu trên và trả phí 50 triệu đồng/ 01 người. Bị cáo Nguyễn Văn C liên hệ với bị cáo Nguyễn Văn D làm việc tại Bộ - Bộ C4 để thuê đóng dấu kiểm chứng nhập cảnh với giá 50 triệu đồng/ 01 người và bị cáo C hứa trả cho bị cáo D từ 3-5 triệu/ 01 người. Bị cáo D đã liên hệ với bị cáo Ngô Văn N - Cán bộ Cục Q1, Bộ C4 để thuê đóng dấu kiểm chứng nhập cảnh với chi phí 50 triệu đồng/ 01 người và được bị cáo N đồng ý. Bị cáo C đã thông báo cho A M và được A M thuê người chuyển cho C 04 hộ chiếu kèm

theo visa rời của khách Trung Quốc kèm số tiền 200 triệu đồng thành 02 lần khác nhau (không nhớ thời gian) tại Khu vực Bãi biển T và gần Đ, Quảng Ninh để bị cáo C mang đi thuê đóng dấu kiểm chứng nhập cảnh, bị cáo C chuyển 04 hộ chiếu kèm theo 04 visa rời và số tiền 200 triệu đồng cho bị cáo Nguyễn Văn D (thời gian cụ thể không nhớ), địa điểm: đối diện Khách sạn D2 (gần Nhà ga T2, Sân bay quốc tế N), sau đó bị cáo D đưa cho Kiểm soát viên là bị cáo Ngô Văn N hợp thức thủ tục nhập cảnh cho 04 người trên bằng cách: Trong ca trực làm việc của mình các ngày 03, 08/01/2023 N tự nhập thông tin 04 hộ chiếu Trung Quốc trên vào hệ thống máy tính cụ thể:

- 02 khách Bian Yutian và Han Yongxin nhập cảnh ngày 03/01/2023 trên chuyến bay BL 6909 của Công ty cổ phần H1.

- 02 khách Li Qing T4 và S1 nhập cảnh ngày 08/01/2023 trên chuyến bay AK516, đường bay KUL-HAN của Hãng hàng không A.

Đồng thời sử dụng dấu kiểm chứng nhập cảnh mang tên mình do Cục Q1 cấp đóng vào visa dôi của 04 người Trung Quốc và chuyển lại cho bị cáo D để bị cáo D đưa cho bị cáo Nguyễn Văn C. Khi có dấu kiểm chứng nhập cảnh bị cáo C đã đưa cho người của A M tại khu vực bãi biển T, Quảng Ninh và đầu đường C - Hải Phòng.

Ngày 10/01/2023, theo hướng dẫn của đối tượng được thuê trên mạng, C3 và G đến khu vực cửa khẩu H2 (Trung Quốc) gặp một người Việt Nam (không rõ thông tin) dẫn đường nhập cảnh trái phép Việt Nam qua đường tiểu ngạch, đến khu vực thành phố L, tỉnh Lào Cai liên hệ qua Wechat của tài khoản “Gia Bao” để nhận lại 02 Hộ chiếu Trung quốc giả trên cùng visa nhập cảnh Việt Nam đã có dấu kiểm chứng nhập cảnh Nội Bài ngày 08/01/2023 mã dấu 099A của Kiểm soát viên - bị cáo Ngô Văn N. Sau đó C3 và G về khách sạn ở gần sân bay quốc tế N nghỉ ngơi, đặt vé đi Cộng hòa Guinea thông qua Công ty D3. Ngày 14/01/2023, C3 và G làm thủ tục xuất cảnh đi Cộng hòa Guinea trên chuyến bay EK395 bằng hộ chiếu, thị thực giả thì bị Cơ quan chức năng Việt Nam kiểm tra và phát hiện.

Đối với 02 người Trung Quốc gồm: Bian Yutian, hộ chiếu số E69778759 và Han Yongxin, hộ chiếu số E69669125 có thông tin nhập cảnh vào ngày 03/01/2023 (do bị cáo Ngô Văn N tự nhập thông tin vào hệ thống máy tính), hiện hai người này đã làm thủ tục xuất cảnh qua cửa khẩu M1, Tây Ninh ngày 16/01/2023. Hiện chưa xác định rõ thông tin đối tượng sử dụng.

* Xác minh tại Cục Q1 - Bộ C4:

- Công ty TNHH T7, trụ sở tại M, xã M, huyện P, tỉnh Lai Châu đã bảo lãnh xin visa nhập cảnh cho 03 người Trung Quốc gồm: Sun J; Bian Y và Han Y2.

- Công ty TNHH C6, trụ sở tại 155 ngõ D H, xã Y, huyện G, Thành phố Hà Nội đã bảo lãnh xin visa nhập cảnh cho 01 người Trung Quốc là Li Qing T4.

- Kiểm soát viên - bị cáo Ngô Văn N được bố trí công tác tại Công an cửa khẩu Cảng hàng không quốc tế N2 từ 28/10/2018 và bổ nhiệm chức danh Kiểm soát viên trung cấp ngày 06/4/2020. Bị cáo N được Cục Q1 cấp dấu kiểm chứng nhập cảnh mã 099A và được phân trực ban giao nhiệm vụ làm thủ tục xuất nhập

cảnh các ngày 03, 08/01/2023 tại Cửa khẩu sân bay quốc tế N.

- Thông tin xuất nhập cảnh của 04 người Trung Quốc:

- + Bian Yutian và Han Yongxin nhập cảnh ngày 03/01/2023 trên chuyến bay BL 6909 của Công ty cổ phần H1 qua Cảng hàng không sân bay quốc tế Nội Bài và xuất cảnh ngày 16/01/2023 qua cửa khẩu M1, Tây Ninh.

- + Li Qing Tao và S1 nhập cảnh ngày 08/01/2023 trên chuyến bay AK516, đường bay KUL-HAN của Hãng hàng không A qua Cảng hàng không sân bay quốc tế N.

- * Xác minh tại các hãng hàng không:

- Công ty cổ phần H1 trả lời: Chuyến bay BL 6909 ngày 03/01/2023 không có 02 hành khách Han Yongxin và Bian Y.

- Hãng hàng không A (AK) trả lời: Chuyến bay AK516, đường bay KUL-HAN ngày 08/01/2023 không có 02 hành khách Sun Jianyong và Li Quing T5.

- * Xác minh về 04 đối tượng Trung Quốc: Cơ quan An ninh điều tra có Công văn số 141/YC-ANĐT-ĐT ngày 31/01/2023 gửi Cục L2 - Bộ N3 và Yêu cầu tương trợ tư pháp về hình sự số 510/UTTPHS-ANĐT-ĐT ngày 03/4/2023 gửi Viện kiểm sát nhân dân tối cao nước Cộng hòa nhân dân T9 yêu cầu cung cấp thông tin tài liệu liên quan đến 04 đối tượng này, tuy nhiên đến nay chưa có kết quả trả lời.

- * Kết luận giám định số 2102/KL-KTHS ngày 10/4/2023 của Phòng K - Công an Thành phố H xác định:

- “1. Con dấu đóng trên hồ sơ bảo lãnh xin cấp visa nhập cảnh cho **Sun J, Bian Y** và **Han Yongxin** là của CÔNG TY TNHH T7 LAI CHÁU” và chữ ký trong hồ sơ bảo lãnh là của Nguyễn Văn D1 - Giám đốc.*

- 2. Con dấu đóng trên hồ sơ bảo lãnh xin cấp visa nhập cảnh cho **Li Qing Tao** là của CÔNG TY TNHH C6 VÀ ĐẦU TƯ TRƯỜNG PHÁT và chữ ký trong hồ sơ bảo lãnh là của Vũ Thành C2 - Giám đốc.”*

Quá trình điều tra đã tạm giữ đồ vật, tài liệu như sau:

- Tạm giữ của bị cáo Ngô Văn N:

- + 01 điện thoại có đề nhãn hiệu Iphone, màu đỏ đã qua sử dụng số seri FK1Z951BN73G.

- + Số tiền 200.000.000 đồng.

- Tạm giữ của bị cáo Vũ Thành Công: 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone đã qua sử dụng.

- Tạm giữ của bị cáo Nguyễn Văn D: 01 điện thoại nhãn hiệu Redmi đỏ đã qua sử dụng.

- Tạm giữ của bị cáo Nguyễn Văn D1: 01 điện thoại nhãn hiệu Sam Sung đã qua sử dụng.

- Tạm giữ của Chen Dong F:

- + 01 hộ chiếu Trung Quốc giả số E82911159 mang tên Li Quang T6 sinh ngày 17/5/1986 tại Trung Quốc.

- + 01 thị thực Việt Nam số DA3536698 ký hiệu DN1 mang tên Li Quang T6.

+ 01 Chứng minh thư Trung Quốc số 411521198504277015 cấp ngày 9/10/2012 tại Trung Quốc.

+ 01 Chứng minh thư Trung Quốc số 420922198512088635 cấp ngày 25/11/2015 tại Trung Quốc.

+ 01 điện thoại Hinova9 số IMEI1 865239061365324/IMEI2: 865239061365332;

+ 02 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng.

+ 75 tờ hình mệnh giá 1USD: 75 tờ.

+ 01 thẻ Boarding Pass của Li Q; 02 thẻ Boarding Pass của S jianyong ngày 15/1/2023 (hãng E).

- Tạm giữ của Guo L:

+ 01 hộ chiếu Trung Quốc giả số E72610507 mang tên Sun JianYoung sinh ngày 23/10/1989 tại Trung Quốc.

+ 01 thị thực Việt Nam số DA 3408456, ký hiệu DN1 mang tên Sun JianYoung sinh ngày 23/10/1989 tại Trung Quốc.

+ 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone màu trắng đã qua sử dụng số seri là FK2QTK8SGRY8

+ 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone màu trắng đã qua sử dụng số seri là: F2NR64ETGRX5 (Pass: 520200)

+ 01 chứng minh nhân dân Trung Quốc số 411521198810207015 cấp ngày 04/7/2020 tại Trung Quốc.

+ 253 USD.

Tại cơ quan điều tra các bị cáo Ngô Văn N, Nguyễn Văn D, Nguyễn Văn C, Nguyễn Văn D1, Vũ Văn C1 và Vũ Thành Công k nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên. Số tiền thu lời bất chính 200.000.000 đồng, bị cáo Ngô Văn N đã nộp lại Cơ quan điều tra để khắc phục hậu quả.

Đối với đồ vật, tài liệu tạm giữ của Chen Dong F và G: Cơ quan điều tra chuyển đến Cục Q1 - Bộ C4 để giải quyết theo quy định. Riêng đối với 02 thị thực Việt Nam số DA3536698 ký hiệu DN1 mang tên Li Quang T6 và số DA 3408456, ký hiệu DN1 mang tên Sun JianYoung, Cơ quan điều tra sẽ chuyển theo hồ sơ vụ án. Các đồ vật, tài liệu, vật chứng đã thu giữ của các bị cáo Ngô Văn N, Vũ Thành C2, Nguyễn Văn D và Nguyễn Văn D1: Cơ quan điều tra chuyển đến Cơ quan thi hành án.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 625/2023/HS-ST ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Ngô Văn N phạm tội “Tổ chức cho người khác xuất cảnh, nhập cảnh hoặc ở lại Việt Nam trái phép”.

1. Áp dụng: Các điểm a, đ khoản 2 Điều 348; Điều 38; các điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo:

Ngô Văn N 36 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời hạn tạm giam từ ngày 20/01/2023 đến ngày 20/04/2023.

Ngoài ra Tòa án cấp sơ thẩm quyết định về tội danh và hình phạt đối với các bị cáo Nguyễn Văn C, Nguyễn Văn D, Vũ Văn C1, Nguyễn Văn D1 và Vũ Thành C2, xử lý vật chứng, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 03/01/2024, bị cáo Ngô Văn N kháng cáo xin giảm hình phạt và xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo Ngô Văn N giữ nguyên kháng cáo, giữ nguyên lời trình bày tại giai đoạn sơ thẩm. Bị cáo xuất trình thêm công văn của Cơ quan bị cáo đã công tác xác nhận bị cáo trong quá trình công tác hoàn thành tốt nhiệm vụ

Người bào chữa cho bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng án treo vì bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ mới: Bị cáo phạm tội do cả nể bạn bè cùng làm công an, không để ý kỹ nên không biết hộ chiếu giả. Quá trình bị cáo công tác có nhiều thành tích xuất sắc nên được tặng thưởng huân chương, có nhiều thành tích và hoàn thành tốt nhiệm vụ nên được cơ quan đã công tác xác nhận gửi Tòa án, có xác nhận của chính quyền địa phương nơi cư trú về hoàn cảnh gia đình khó khăn, luôn chấp hành tốt chính sách của địa phương, là công dân tốt. Bị cáo thành khẩn khai báo, rất ăn năn hối hận, có nơi cư trú rõ ràng, không có tình tiết tăng nặng, đủ điều kiện để được hưởng án treo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng, người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định của pháp luật. Đơn kháng cáo của bị cáo là hợp lệ trong hạn luật định đủ điều kiện xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Về nội dung, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Ngô Văn N về tội “Tổ chức cho người khác xuất cảnh, nhập cảnh hoặc ở lại Việt Nam trái phép” theo quy định tại điểm a, đ khoản 2 Điều 348 Bộ luật Hình sự; áp dụng các tình tiết giảm nhẹ theo điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự; áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự để xử cho bị cáo dưới khung hình phạt. Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ mới theo quy định tại điểm v khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS là: quá trình công tác có nhiều thành tích xuất sắc nên được tặng thưởng huân chương, có nhiều thành tích và hoàn thành tốt nhiệm vụ nên được cơ quan đã công tác xác nhận gửi Tòa án, có xác nhận của chính quyền địa phương nơi cư trú về hoàn cảnh gia đình khó khăn, luôn chấp hành tốt chính sách của địa phương, là công dân tốt. Tuy nhiên, do bị cáo có hưởng lợi nên bị cáo không đủ điều kiện hưởng án treo. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo; căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự, sửa phần hình phạt của bản án sơ thẩm, giảm cho bị cáo hình phạt từ 6 đến 12 tháng tù.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố về trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp và đúng luật.

Kháng cáo của bị cáo Ngô Văn N trong hạn luật định đủ điều kiện xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo của bị cáo

Tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử xác định, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội “Tổ chức cho người khác xuất cảnh, nhập cảnh hoặc ở lại Việt Nam trái phép” theo điểm a, đ khoản 2 Điều 348 BLHS là đúng người đúng tội, đúng pháp luật.

Xét đề nghị xin hưởng án treo của bị cáo: Xét thấy hành vi của bị cáo là nguy hiểm, vì nữ nạn D là người đã từng làm trong lực lượng nên đồng phạm với các bị cáo khác. Bị cáo xác nhận để người nước ngoài nhập cảnh trái phép vào Việt Nam. Trong vụ án bị cáo có hưởng lợi nên không đủ điều kiện để hưởng án treo. Tuy nhiên bị cáo có thêm nhiều tình tiết giảm nhẹ mới, có thêm 1 tình tiết giảm nhẹ ở khoản 1 Điều 51 BLHS, và 3 tình tiết giảm nhẹ hình phạt ở khoản 2 Điều 51 BLHS. Đó là bị cáo có thành tích xuất sắc trong công tác nên được tặng thưởng huân chương, bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, ông bị cáo là người có công với cách mạng được tặng thưởng huân huy chương, bị cáo được cơ quan đã công tác xác nhận về quá trình công tác luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ. Như vậy, bị cáo có 3 tình tiết giảm nhẹ theo điểm s, t, v khoản 1 Điều 51 BLHS; 4 tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 BLHS. Do đó chấp nhận đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự, chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo sửa quyết định về hình phạt của Tòa án cấp sơ thẩm, giảm cho bị cáo một phần hình phạt. Thời gian của hình phạt cũng đủ tác dụng giáo dục riêng và răn đe phòng ngừa chung.

[3] Các quyết định khác của Tòa án cấp sơ thẩm đã phù hợp quy định của pháp luật nên được giữ nguyên

[4] Về án phí: Do kháng cáo được chấp nhận, bị cáo không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban

Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí tòa án; xử:

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Ngô Văn N1; Sửa quyết định về hình phạt của Bản án hình sự sơ thẩm số 625/2023/HS-ST ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, cụ thể như sau:

Tuyên bố bị cáo Ngô Văn N phạm tội “Tổ chức cho người khác xuất cảnh, nhập cảnh hoặc ở lại Việt Nam trái phép”.

1. Áp dụng: Các điểm a, đ khoản 2 Điều 348; Điều 38; các điểm s, t, v khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo:

Ngô Văn N 24 (Hai mươi bốn) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời hạn tạm giam từ ngày 20/01/2023 đến ngày 20/04/2023.

2. Về án phí: Bị cáo không phải án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ 1 TANDTC;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND thành phố Hà Nội;
- Công an thành phố Hà Nội;
- Cục THADS thành phố Hà Nội;
- Các bị cáo (qua địa chỉ);
- Những người tham gia tố tụng khác (theo đ/c);
- Lưu HS, PHCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Mạnh Tiến